

R

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP**  
-----

**ĐỀ TÀI KC.07.02**

**Nghiên cứu cơ sở khoa học để xây dựng tiêu chí, bước đi, cơ chế, chính sách  
trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn**

**BÁO CÁO CÁC ĐỀ TÀI NHÁNH**

**Quyển 2:**

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN  
NÔNG NGHIỆP ĐẦU THẾ KỶ XXI**

**Chủ nhiệm đề tài:**

*PGS.TS. Vũ Năng Dũng*

**Hà Nội, 7/2004**

*Bản quyền 2004 thuộc VQHTKNN*

*Đơn xin sao chép toàn bộ hoặc từng phần tài liệu này phải gửi đến Viện trưởng  
VQHTKNN trừ trường hợp sử dụng với mục đích nghiên cứu*

5883 - 2

716/06

## **QUYỂN 2:**

# **PHÂN TÍCH MỘT SỐ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐẦU THẾ KỶ XXI**

**Bao gồm các đề tài nhánh sau:**

1. Nghiên cứu tình hình xuất nhập khẩu và giá cả một số nông sản chính trên thị trường thế giới từ 1950 - 2000
2. Nghiên cứu xu hướng phát triển nông nghiệp thế giới và ở một số nước
3. Những đặc điểm HDH nông nghiệp thế giới trong thế kỷ XX
4. Nghiên cứu những thay đổi trên thế giới về quan niệm phát triển nông nghiệp

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**  
**MÃ SỐ KC.07.02**

---

Đề tài nhánh:

**NGHIÊN CỨU TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU**  
**VÀ GIÁ CẢ MỘT SỐ NÔNG SẢN CHÍNH**  
**TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

Cơ quan thực hiện:

**VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP**

*Hà Nội, Tháng 3/2002*

# MỤC LỤC

*Trang*

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</b> .....	3
<b>PHẦN II: TỔNG QUAN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ THẾ GIỚI</b> .....	6
<b>PHẦN III: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ VÀ GIÁ CẢ MỘT SỐ NÔNG SẢN HÀNG HOÁ CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI</b> .....	12
I.    Lúa.....	12
II.   Ngô.....	19
III.  Cà phê.....	29
IV.  Cao su .....	46
V.    Chè.....	51
VI.  Điều .....	62
VII.  Mía đường .....	66
VIII.  Cây có dầu .....	74
IX.  Bông.....	86
X.   Dâu tằm .....	93
XI.  Sản phẩm quả.....	101
XII. Sản phẩm chăn nuôi.....	116
XIII.  Thủy sản .....	137
XIV.  Bột giấy và giấy.....	141

## MỞ ĐẦU

Nông nghiệp nước ta trong thời kỳ đổi mới đang chuyển từ một nền nông nghiệp tự cung tự cấp quy mô nhỏ, phân tán là chính sang nền nông nghiệp sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu trên giá trị sản xuất của ngành nông lâm thủy sản đã tăng từ 16,2% (1990) lên 35,4% (2000).

Nước ta đã có truyền thống xuất khẩu các loại nông sản hàng hoá như gạo, cà phê, cao su, điều, tiêu... Hiện nay Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ hai, khả năng tăng thêm lượng xuất khẩu gạo là vẫn còn rất lớn nếu ta đưa được giống gạo chất lượng cao vào sản xuất và nâng cao chất lượng khâu chế biến bảo quản sau thu hoạch.

Như vậy sự phát triển của nông nghiệp nước ta ngày càng phụ thuộc vào kinh tế và thị trường thế giới. Thị trường thế giới đã tác động ngay đến thị trường nông sản trong nước. Tiến trình phát triển kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng của chúng ta so với các nước láng giềng trong khối ASEAN là có chậm hơn, tức là đi sau một bước, vì vậy chúng ta có thể học hỏi được nhiều kinh nghiệm cũng như bài học của các nước bạn để áp dụng một cách linh hoạt vào điều kiện thực tiễn của nước ta. Sự nghiên cứu học hỏi này sẽ giúp chúng ta tránh được những sai sót trong quá trình thực hiện, cũng như rút ngắn được thời gian cho các giai đoạn phát triển kinh tế.

Sự gia nhập ASEAN của Việt Nam tạo điều kiện cho Việt Nam có sự hợp tác, phối hợp về phát triển kinh tế, trong đó không thể không nói đến phát triển kinh tế nông nghiệp, và đặc biệt là xuất nhập khẩu nông sản, mở rộng thị trường.

Tiềm năng về phát triển khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, trong đó có sự hợp tác nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực của khoa học nông nghiệp như giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, các hệ thống sản xuất nông nghiệp, nghiên cứu thị trường, phát triển cơ sở hạ tầng ...

Tuy nhiên, kinh tế nông nghiệp nước ta về cơ bản còn nghèo nàn lạc hậu, trồng trọt vẫn là ngành chủ đạo. Năng suất cây trồng vật nuôi thấp, chỉ bằng khoảng 50% so với các nước tiên tiến, chất lượng nông sản thấp, chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Vì vậy việc nghiên cứu phân tích thị trường nông sản thế giới là rất cần thiết trong việc bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp của nước ta.

## PHẦN I

# ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

### 1. Tính không co giãn của cung cầu đối với giá cả và thu nhập

Đối với hàng nông sản, người ta thường không mua thêm nhiều khi giá cả của chúng hạ xuống, trái lại người ta cũng không mua ít đi khi giá cả của chúng tăng lên, tức là nhu cầu về phần lớn nông sản tương đối không co giãn (không nhạy cảm), đối với những biến đổi về giá.

Tính co giãn về cung cũng vậy, vào vụ thu hoạch người nông dân bắt buộc phải bán ra thị trường, phần lớn sản lượng dư thừa của mình, bất luận giá cả trên thị trường thế nào (cao hay thấp), tức là lượng cung gần như không co giãn với những biến đổi của giá; mặt khác giả định giá cả thị trường của một loại nông sản nào đó tăng, thì trong một thời gian nhất định, người nông dân không thể mở rộng sản xuất tùy ý được (do sự hạn chế của đất đai, mùa vụ...). Sản phẩm nông nghiệp cũng có xu hướng kém co giãn, đối với thu nhập của các tầng lớp dân cư. Các nhà kinh tế thế giới tính toán rằng sự tăng 10% trong thu nhập thực tế của các tầng lớp dân cư chỉ gây ra một sự tăng trưởng 1 - 2% trong tiêu thụ nông sản.

### 2. Cơ cấu cạnh tranh cao

Đội ngũ các nhà kinh doanh nông sản rất đông đảo, ít có nhà kinh doanh nông nghiệp nào ảnh hưởng đến giá thị trường, sản phẩm nông nghiệp thường là đồng nhất, ít có khả năng phân hoá thành nhiều loại mẫu mã có tính chất độc quyền như hàng Công nghiệp, mặt khác sản phẩm nông nghiệp trong mỗi loại rất có khả năng thay thế cho nhau. Về mặt này, người nông dân đứng trước một thực tế là bản thân họ khó có thể có vị trí tương đối biệt lập trên thị trường.

Việc sản xuất nông nghiệp là không hạn chế, ít bị ngăn cản. Nhưng khi bán hàng, việc xâm nhập thị trường rất khó khăn, vì sự cản trở của cạnh tranh, của nhóm độc quyền của các hiệp hội thị trường.

### **3. Sự hình thành và phát triển của thị trường sản phẩm nông nghiệp gắn rất chặt với việc khai thác và sử dụng lợi thế so sánh của các điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu, đất đai và các điều kiện sản xuất khác**

Mỗi loại sản phẩm nông nghiệp chỉ có thể phát triển thích hợp nhất với những điều kiện tự nhiên nhất định. Mỗi vùng, mỗi quốc gia chỉ có thể sản xuất và đưa ra thị trường những sản phẩm mà họ có lợi thế so sánh thực sự. Vì vậy, thị trường sản phẩm nông nghiệp hình thành những kênh cung cấp theo nguồn, tuyến hay khu vực và có thể phát sinh hiện tượng cạnh tranh không hoàn hảo trên thị trường. Bởi vậy, cùng một loại sản phẩm nông nghiệp, muốn cạnh tranh thắng lợi trên thị trường, con đường duy nhất là các cơ sở sản xuất, các quốc gia phải biết tận dụng lợi thế so sánh của mình, biết ứng dụng những thành tựu mới nhất về khoa học kỹ thuật và công nghệ sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, là những điều kiện đảm bảo thành công trên thương trường.

### **4. Nông nghiệp thế giới là một ngành phát triển không đồng đều, giữa các khu vực, giữa các quốc gia**

Hiện có trên 80% lực lượng lao động nông nghiệp thế giới là ở hệ thống canh tác lạc hậu, nghèo nàn, đói khổ cùng tồn tại với các hệ thống canh tác hiện đại. Trong nền kinh tế thị trường, ai có vốn nhiều hưởng nhiều, chứ không phải ai làm nhiều hưởng nhiều. Quy luật phân phối đó của nền kinh tế thị trường là quy luật sắt. Vì vậy, nông sản được sản xuất ra trong hệ thống canh tác lạc hậu, phần lớn là từ các nước chậm và đang phát triển, thường năng suất lao động và chất lượng sản phẩm thấp, nên khả năng cạnh tranh kém và bị bán với giá thấp.

### **5. Giá các sản phẩm nông nghiệp trên thị trường thế giới từ năm 1950 đến nay, so với đồng đô la cố định có xu hướng giảm trong lúc đó giá cả các loại vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp lại có chiều hướng tăng “tương đối”**

Tình hình này dẫn đến sự nghèo đói của các tầng lớp nông dân ở các khu vực chậm phát triển và đang phát triển. Nguyên nhân là từ những năm 1950, cuộc cách mạng về cơ giới hoá, cơ khí hoá và cách mạng sinh học trong nông nghiệp đã làm cho khối lượng sản phẩm nông nghiệp cung cấp ra thị trường trên thế giới tăng tương đối nhanh, một số sản phẩm có xu hướng “bão hoà” cung cầu. Sản phẩm nông nghiệp trong trạng thái dư thừa thường xuyên so với nhu cầu có khả năng thanh toán của các tầng lớp dân cư.

**6. Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là thị trường bị chia cắt lớn nhất, do hàng rào thuế quan và chính sách bảo hộ mậu dịch nặng nề của các nước, đặc biệt là các nước phát triển**

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của thế giới bị chi phối bởi nhiều yếu tố kinh tế và chính trị. Các nước phát triển đưa ra hệ thống chính sách bảo hộ mậu dịch rất khắt khe đối với các loại nông phẩm, đồng thời họ dùng nông phẩm để thao túng tình hình chính trị thế giới. Đặc biệt đối với các nước chậm phát triển, con “bài” nông phẩm được sử dụng như là một vũ khí lợi hại để khuất phục các nước lạc hậu. Do chính sách này đã làm cho khả năng mở rộng thị trường nông sản của các nước đang phát triển vào các nước phát triển là hết sức khó khăn. Mặt khác nguồn cung cấp sản phẩm nông nghiệp tập trung vào những quốc gia, những vùng nhất định vốn đã phát triển truyền thống và có khả năng phát triển nên hầu như thị trường nông sản thế giới đã được xếp đặt nghiêm ngặt, chặt chẽ giữa bên mua và bên bán. Trong khi đó về phía cầu, đòi hỏi của người tiêu dùng ngày càng khắt khe về chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm, điều đó tác động rất mạnh tới các nước sản xuất sản phẩm nông nghiệp để cung cấp cho thị trường nhất là những nước đang phát triển, bắt đầu hoà nhập vào thương mại Quốc tế.

**7. Thị trường sản phẩm nông nghiệp gắn rất chặt chẽ với việc sử dụng các yếu tố sinh học và có quan hệ chặt chẽ với việc duy trì sức khoẻ và đời sống con người.**

Sản phẩm nông nghiệp lưu thông trên thị trường thế giới có đặc trưng khác so với các loại sản phẩm khác là có nguồn gốc hữu cơ; xã hội ngày càng văn minh thì đòi hỏi chất lượng sản phẩm nông nghiệp cũng tăng theo. Bên cạnh việc nghiên cứu nhu cầu về lượng của khách hàng cần phải nghiên cứu về thị hiếu và tập quán của người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp.

## PHẦN II

### TỔNG QUAN CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ THẾ GIỚI

Phần này xem xét phát triển thị trường gần đây và những kiến nghị về triển vọng sắp tới đối với các loại nông sản dựa trên cơ sở thông tin sẵn có vào thời điểm viết. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu và của vùng tác động nhiều đến thị trường nông sản, vì vậy phần này bắt đầu với tổng quan tóm tắt triển vọng kinh tế toàn cầu như đã nhận ra qua dự đoán kinh tế vĩ mô của Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) và OECD.

#### 1. Giới thiệu về kinh tế toàn cầu

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm đáng kể trong 3 tháng cuối của năm 2000 và 9 tháng đầu năm của 2001. Quỹ tiền tệ thế giới, Ngân hàng thế giới và OECD có một sự nhất trí lớn rằng năm 2001 sẽ cho thấy giảm đáng kể với tỉ lệ tăng trưởng 2-2.5 %. Điều này phản ánh sự suy sụp nhanh trong nền kinh tế Mỹ, mặc dầu hoạt động kinh tế của hầu hết các nước công nghiệp đã yếu đi. Hy vọng nền kinh tế Mỹ sẽ hồi phục trong năm 2002 trên cơ sở nguyên tắc cơ bản kinh tế thế giới mạnh hơn so với các năm trước. IMF dự đoán tăng trưởng sẽ tăng nhanh hơn đến 3,5 % trong một năm, mặc dầu các dự đoán khác bị quan hơn với ảnh hưởng kinh tế tiềm lực của trận khủng bố xảy ra vào 11 tháng chín.

Vào tháng sáu 2001, Triển vọng Kinh tế OECD tiên đoán tăng trưởng GDP thực sự là 2 % đối với các nước thành viên OECD, hơi cao hơn dự đoán của IMF là 1,3 % đối với các nước có nền kinh tế cao và cao hơn 1,2 % so với dự đoán của WB đối với các nước có thu nhập cao. Tương tự như vậy, OECD dự đoán tăng trưởng của năm 2002 là 2,8 % cho các nước thành viên, trong khi tiên đoán của IMF thì thấp hơn, khoảng 2,1 % cho các nước có nền kinh tế phát triển và WB là 1,0-1,5 % cho các nước có thu nhập cao, có chiều hướng giảm sau cuộc khủng bố là 2,2 %. Tuy nhiên, tất cả các dự đoán đều có sự tán thành lớn liên quan đến những nguyên tắc cơ bản của kinh tế.

Những dự đoán của IMF trước cuộc khủng bố ngày 11 tháng 9 dự đoán rằng sự giảm tốc độ sản xuất về kinh tế của năm 2001 tại các nước đang phát

triển so với các nước công nghiệp hoá là 4,3 %, lên lại 5,3 % trong năm 2002, hoặc 2,9 % và 3,9 % theo từng nước trên theo đầu người. Tuy nhiên WB dự đoán rằng sự kiện 11 tháng chín cũng sẽ có tác động trở lại cho các nước đang phát triển, vì sự phục hồi chậm trễ này trong các nước có thu nhập cao biến thành sự tăng trưởng chậm hơn cho các nước đang phát triển. Đặc biệt, điều may mắn khó khăn sẽ là các nước đang phát triển mà phải phụ thuộc vào du lịch, số tiền gửi vào của dân hải ngoại, và đầu tư của nước ngoài. WB tiên đoán GDP của năm 2002 của các nước đang phát triển đã được xem xét lại có chiều hướng giảm đi 0,5-0,75 %, chỉ còn 3,5-3,8 %.

Tăng trưởng lớn nhất trong các nước đang phát triển sẽ là ở châu Á, mặc dầu những dự đoán tập hợp cho châu Á đánh dấu việc thực hiện khác biệt của Trung quốc ngược hẳn so với các nước còn lại, những nước mà ở đó tiếp cận nhiều hơn với thị trường toàn cầu trong ngành công nghệ cao. Đối với những nước này, Mỹ và Nhật giảm tốc độ sản xuất đã có tác động trực tiếp đến hoạt động của nền kinh tế. Các nước đang phát triển ở Cận Đông và Tây Bán cầu dự đoán có tỉ lệ tăng trưởng trên mỗi đầu người chỉ trên 0 vào năm 2001. Hoạt động yếu kém của các nước Cận Đông làm giảm tốc độ sản xuất toàn cầu, giảm giá dầu và tình hình an ninh xấu đi trong vùng. Tăng trưởng trên mỗi đầu người cho nhóm này của các nước dự tính tăng lên 2,8 % trong năm 2002, giả thuyết rằng giá dầu tăng. Dự đoán cho các nước đang phát triển Tây Bán cầu trong năm 2002 là sẽ hồi phục trên cơ sở tăng nguyên tắc cơ bản về kinh tế trong các nước chủ yếu trong vùng.

Khác hoàn toàn với các vùng khác, dự đoán tăng trưởng GDP các nước đang phát triển ở châu Phi mạnh hơn trong năm 2001 so với năm 2000, tăng cao hơn trong năm 2002. Tuy nhiên, tăng trưởng sản xuất ở châu Phi dự đoán chỉ đạt 1,4 % trong năm 2001 và 1,9 % trong năm 2002. Các chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn và mang tính cơ cấu trong nhiều nước ở châu Phi đã được công nhận phục hồi nhanh theo tỉ tăng trưởng trên đầu người, mặc dầu xoá đói giảm nghèo và các lĩnh vực khác tiếp tục bị ngăn cản bởi sự không vững vàng về kinh tế và chính trị.

Đối với những nước trong giai đoạn chuyển tiếp, tăng trưởng GDP trên đầu người dự đoán là 4-4,5 % trong năm 2001 và 2002, cao hơn tỉ lệ tương ứng do dân số tiếp tục giảm trong nhiều nước. Từ năm 1999, tăng trưởng trong nhiều nước đã phục hồi sau một kỷ nguyên mà GDP giảm gần như 20%. Giải pháp cho tăng trưởng tiếp tục là hoàn thiện cải tổ cơ cấu, theo IMF, đặc biệt là